

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 01 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch hành động của tỉnh,
thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ sau khi Việt Nam
gia nhập tổ chức Thương mại thế giới (WTO) giai đoạn 2007 - 2010**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2007/NQ-CP ngày 27/2/2007 của Chính phủ về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới;

Căn cứ Chương trình hành động của Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khoá X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới;

Trên cơ sở ý kiến góp ý của Văn phòng Ban chỉ đạo Chương trình HTKT hậu WTO tại Công văn số 168/VPBCDWTO ngày 30/11/2007;

Theo đề nghị của Sở Thương mại và Du lịch tại Tờ trình số 31/TMDL ngày 20/12/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của tỉnh, thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ sau khi Việt Nam gia nhập tổ chức Thương mại thế giới (WTO) giai đoạn 2007 - 2010.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đinh Thị Loan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA TỈNH,
Thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ sau khi Việt Nam
gia nhập tổ chức Thương mại thế giới (WTO) giai đoạn 2007 - 2010
(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 25/01/2008
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)**

I. Đặc điểm tình hình và những cơ hội, thách thức

1. Đặc điểm tình hình:

Trong thời kỳ đổi mới, những năm qua tỉnh Quảng Ngãi đã tạo được chuyển biến nhanh về tốc độ tăng trưởng kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa (CNH-HĐH): GDP tăng bình quân giai đoạn 2001 – 2005 là 10,3%, năm 2006 GDP tăng 12,3%, năm 2007 GDP tăng 14%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực (cơ cấu kinh tế năm 2007: nông - lâm - thủy sản 29,9%, công nghiệp- xây dựng 36%, dịch vụ 34,1%); đời sống nhân dân được cải thiện (thu nhập bình quân đầu người năm 2007 đạt 7.693.000 đồng/người); nguồn thu ngân sách tăng đáng kể (tổng thu ngân sách năm 2007 đạt 1.310 tỷ đồng); các chính sách xã hội được quan tâm giải quyết, đã tạo ra động lực mới thúc đẩy kinh tế phát triển và góp phần lành mạnh hóa môi trường xã hội, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Đặc biệt, Khu kinh tế Dung Quất đã và đang được đầu tư xây dựng các dự án lớn như Dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất, Dự án nhà máy đóng tàu thủy, Dự án luyện cán thép Tycoons, Dự án nhà máy công nghiệp nặng Doosan, Dự án nhà máy Polypropylene..., không những đã tác động trực tiếp đến sự tăng trưởng kinh tế, mà còn kích thích, thu hút nhiều dự án đầu tư trên các lĩnh vực công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch... vào tỉnh hiện nay và trong thời gian tới, sẽ tạo ra sự tăng trưởng đột biến và sự chuyển dịch nhanh chóng về cơ cấu kinh tế của tỉnh trong giai đoạn 2008 – 2010 và những năm tiếp theo. Đồng thời Quảng Ngãi là một tỉnh nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có điều kiện liên kết, hỗ trợ lẫn nhau phát triển kinh tế vùng... Đây là những đặc điểm thuận lợi của tỉnh trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế hậu gia nhập WTO.

Tuy nhiên, kinh tế của tỉnh đang phát triển nhanh nhưng chưa đồng bộ, chất lượng chưa cao, chưa bền vững; lĩnh vực nông nghiệp vẫn còn tình trạng sản xuất nhỏ, hiệu quả thấp; các ngành dịch vụ chưa đáp ứng nhu cầu, nhất là tại Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp của tỉnh; về sản xuất công nghiệp phần lớn quy mô vẫn còn nhỏ, chậm đổi mới công nghệ, giá trị sản lượng công nghiệp thấp, năng lực và sức cạnh tranh của nhiều mặt hàng và doanh nghiệp vẫn còn yếu; thu nhập bình quân đầu người vẫn còn thấp; nguồn thu ngân sách của tỉnh đã tạo được sự chuyển biến đáng kể, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội còn hạn chế, các chính sách xã hội và môi trường tuy đã được quan tâm giải

quyết nhưng vẫn còn nhiều bức xúc; công tác cải cách hành chính chưa thật sự hiệu quả,... những hạn chế trên đã và đang ảnh hưởng đến sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong tiến trình hội nhập quốc tế.

2. Những cơ hội, thách thức đối với Quảng Ngãi khi Việt Nam gia nhập WTO:

Sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) sẽ xuất hiện những cơ hội và thách thức mới; về cơ hội: sẽ có điều kiện mở rộng thị trường xuất khẩu, không còn bị phân biệt đối xử, thể chế kinh tế thị trường ngày càng hoàn thiện, môi trường đầu tư, kinh doanh ngày càng thuận lợi; gia nhập WTO sẽ có điều kiện thúc đẩy nền kinh tế nước ta phát triển nhanh và bền vững, cơ chế, chính sách ngày càng minh bạch hơn; nước ta có địa vị bình đẳng với các nước thành viên khác; tạo ra thuận lợi mới để thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng; ngoài ra còn tạo ra thuận lợi cho người tiêu dùng trong nước có thêm sự lựa chọn về hàng hóa, dịch vụ có chất lượng cao, giá cả cạnh tranh ...

Bên cạnh những cơ hội nói trên, sẽ có những thách thức tác động đến đời sống kinh tế - xã hội nước ta và phải chịu sức ép cạnh tranh gay gắt hơn trên cả ba cấp độ: sản phẩm, doanh nghiệp và quốc gia; có thể sẽ làm tăng thêm sự phân hóa về đời sống xã hội giữa các vùng, miền, giữa các tầng lớp dân cư, giữa các doanh nghiệp... chịu sự tác động mạnh hơn, nhanh hơn của thị trường thế giới, có thể gây tiêu cực đến sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước; đội ngũ cán bộ, công chức và cán bộ quản lý doanh nghiệp còn thiếu và yếu, lực lượng lao động chưa qua đào tạo còn chiếm tỷ trọng lớn; đồng thời với những thách thức trong lĩnh vực kinh tế còn thách thức đối với chế độ chính trị, an ninh quốc phòng, bản sắc văn hóa dân tộc, môi trường sinh thái,...

Đối với tỉnh Quảng Ngãi, ngoài những cơ hội và thách thức nói chung còn có những cơ hội và thách thức nói riêng của tỉnh như sau:

a. Cơ hội:

- Có điều kiện mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, các doanh nghiệp được hưởng về lợi thế, thuế, thủ tục xuất nhập khẩu, bình đẳng trong kinh doanh... đây là yếu tố quan trọng nhằm thúc đẩy sản xuất và dịch vụ trong tỉnh phát triển;

- Môi trường đầu tư, kinh doanh ngày càng thuận lợi; các nhà đầu tư trong và ngoài nước sẽ đầu tư vào tỉnh ngày càng nhiều, mang đến nguồn lực tài chính lớn, công nghệ hiện đại, trình độ quản lý tiên tiến, có khả năng tạo đột phá trong phát triển;

- Mở thêm cơ hội hợp tác, khai thác có hiệu quả hơn các nguồn tài nguyên, nhất là tài nguyên đất đai, tài nguyên biển và rừng. Tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động theo hướng CNH - HĐH, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, mang lại nhiều cơ hội giảm nghèo cho người dân;

- Hàng hóa, dịch vụ dồi dào và chất lượng cao, tạo cơ hội lựa chọn tốt hơn cho người tiêu dùng trong tỉnh; các doanh nghiệp trong tỉnh có thể tiếp cận nguồn nguyên liệu đầu vào với giá cạnh tranh, dịch vụ hỗ trợ tiện lợi hơn,... do đó có khả năng nâng cao chất lượng và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

b. Thách thức:

- Phải chịu sức ép cạnh tranh gay gắt cả về sản phẩm, doanh nghiệp và địa phương;

- Doanh nghiệp của tỉnh, chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, nguồn vốn ít, công nghệ còn lạc hậu; sản xuất ra sản phẩm giá thành còn cao, chất lượng và uy tín chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển xã hội; nhiều sản phẩm chưa có thương hiệu trên thị trường quốc tế, nay phải đương đầu, cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp lớn của các nước có thương hiệu, uy tín trên thị trường trong tỉnh, trong nước và quốc tế;

- Cơ chế, chính sách của tỉnh chưa hoàn thiện và thiếu đồng bộ; cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính thực hiện chậm, còn rườm rà, các điều kiện dịch vụ, hệ thống cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế,... làm giảm sức hấp dẫn của tỉnh trong quá trình xúc tiến, kêu gọi đầu tư;

- Gia nhập WTO, mặt trái của nền kinh tế thị trường sẽ bộc lộ một cách toàn diện làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng, miền, các khu vực dân cư, từ đó có thể dẫn đến những yếu tố bất ổn về xã hội;

- Thị trường trong tỉnh, đặc biệt là thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường hàng hóa, dịch vụ sẽ chịu sự tác động trực tiếp và hết sức nhạy cảm với sự biến động của thị trường thế giới;

- Hội nhập đòi hỏi lực lượng lao động nói chung, trước hết là lao động trong các ngành công nghiệp, dịch vụ phải có tay nghề cao, trong khi đó phần lớn lao động làm việc tại tỉnh chưa qua đào tạo nghề, chưa quen với tác phong sản xuất công nghiệp; cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp còn nhiều hạn chế về trình độ và năng lực, nhất là trình độ về tin học, ngoại ngữ và luật pháp quốc tế;

- Gia nhập WTO, đòi hỏi hệ thống chính trị phải năng động, đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên các lĩnh vực để đảm bảo ổn định chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng của đất nước.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung:

Nắm vững cơ hội, vượt qua thách thức trong thời kỳ hậu gia nhập WTO; huy động mọi nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH - HĐH đưa tỉnh ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, trở thành tỉnh có kinh tế - xã hội phát triển khá, trong đó công nghiệp có bước phát triển nhảy vọt, dịch vụ phát triển mạnh, nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa đa

dạng và chất lượng; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường an ninh - quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, xã hội trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2010:

a. Về kinh tế:

- Phát triển đạt mức tăng trưởng GDP của tỉnh thời kỳ 2006 - 2010 từ 17% đến 18%/năm, GDP/người năm 2010 đạt 950 - 1.000 USD;

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2010: Công nghiệp - xây dựng chiếm 62% - 63%, dịch vụ chiếm 22% - 23%, nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 15% - 16%; trong đó giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp tăng bình quân từ 4,5% - 5%/năm; dịch vụ tăng bình quân từ 13% - 14%/năm; giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng tăng bình quân từ 32% - 33%/năm;

- Kim ngạch xuất nhập khẩu, đến năm 2010 trên 100 triệu USD;

- Thu ngân sách đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao.

b. Xã hội:

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh xuống dưới 20%, trong đó giảm tỷ lệ hộ nghèo đối với miền núi từ 74,95% năm 2005 xuống còn 35% vào năm 2010, hoàn thành xóa 17.000 ngôi nhà tạm cho hộ nghèo;

- Giảm tỷ suất sinh hằng năm từ 0,4 - 0,5%, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2010 là: 1,02%, giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 20%.

c. Về khoa học, công nghệ, môi trường:

- Phân đầu đến năm 2010 có trên 60% số đề tài nghiên cứu được ứng dụng vào sản xuất và đời sống; khoảng 150 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, 150 sản phẩm và dịch vụ được cấp bằng bảo hộ độc quyền, nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp; 100% số huyện, thành phố ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính; 50% số xã, phường, thị trấn được hưởng thụ thông tin khoa học, công nghệ qua mạng Internet;

- Phân đầu đến năm 2010, 100% đô thị và các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề được thu gom và có biện pháp xử lý nước thải, rác thải; 85% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, độ che phủ của rừng đến năm 2010 đạt 45%.

d. Về cải cách hành chính:

Công tác cải cách hành chính giai đoạn 2006 - 2010 nhằm xây dựng nền hành chính của tỉnh từng bước hiện đại, thật sự dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu quản lý trong quá trình phát triển và hội nhập, thể hiện bản chất của nền hành chính phục vụ nhân dân - xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển của tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XVII Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết Số 36/2006/NQ- HĐND ngày 15/5/2006 của HĐND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010.

e. An ninh quốc phòng:

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững mạnh; bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, an ninh xã hội, an ninh kinh tế gắn với phòng, chống tham nhũng, lãng phí ... tạo sự tăng trưởng nhanh về kinh tế - xã hội trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

III. Những nhiệm vụ chủ yếu

Để đạt được những mục tiêu nêu trên, trong thời gian tới, bên cạnh những nhiệm vụ thường xuyên, các Sở, Ban ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố, các doanh nghiệp trong tỉnh cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. Công tác tuyên truyền và phổ biến thông tin về WTO:

Các cam kết và lộ trình thực hiện các cam kết của Việt Nam đối với WTO trong tiến trình hội nhập là những nội dung mới, phức tạp, đòi hỏi các cấp, các ngành, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và nhân dân cần nắm vững, từ đó đề ra những chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp sát hợp nhằm tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, từng doanh nghiệp; đồng thời các cơ quan quản lý nhà nước phải nắm vững các cam kết, các quy định mới để đề ra công tác cải cách hành chính, thủ tục hành chính, phù hợp theo yêu cầu mới,... do đó cần triển khai công tác tuyên truyền, tập huấn theo các nội dung sau đây:

a. Tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết 08 của BCH TW, Chương trình hành động của Chính phủ, của Tỉnh ủy Quảng Ngãi trong toàn thể cán bộ, đảng viên, quán triệt đến tận các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, để nhận thức sâu sắc quan điểm của Đảng, của Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế, gia nhập WTO, nắm vững các nhiệm vụ mới để thực hiện tốt trong thời kỳ hội nhập.

b. Tổ chức phổ biến, tập huấn các cam kết cụ thể của Việt Nam đối với tổ chức WTO; đồng thời thường xuyên cập nhật thông tin mới để bồi dưỡng về kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế cho cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp, các ngành và doanh nghiệp,... tổ chức tập huấn cho cán bộ các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư, bảo đảm quy trình thẩm định đầu tư và cấp giấy chứng nhận theo đúng các cam kết quốc tế của Việt Nam.

c. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (*báo, đài phát thanh, đài truyền hình,...*) để cung cấp thông tin cho công chúng về những nội dung cam kết WTO, những cơ hội, thách thức mới, các quy tắc, luật lệ của WTO; trên cơ sở đó giúp các chủ thể nâng cao hiểu biết về tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, để xác định các công việc phải thực hiện đạt hiệu quả cao.

2. Công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế chính sách cấp tỉnh:

Tiến hành rà soát hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh đã ban hành, bãi bỏ những nội dung không phù hợp với những cam kết của Việt Nam đối với WTO; đảm bảo minh bạch hóa các quy định, tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho các chủ thể tham gia đầu tư, kinh doanh. Xây dựng và điều chỉnh cơ chế hỗ trợ đầu tư và phát triển sản xuất phù hợp như: Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực; đầu tư xây

dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; hỗ trợ giống, kỹ thuật, công nghệ, xúc tiến đầu tư và thương mại,...

3. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế của các cơ quan hành chính trong tỉnh:

a. Thực hiện Nghị quyết số 51/2006/NQ-UBND ngày 10/10/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cải cách hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010, trọng tâm là tập trung cải cách thủ tục hành chính; áp dụng thực hiện tốt cơ chế “một cửa” ở tất cả các cơ quan hành chính; đồng thời áp dụng cơ chế “một cửa liên thông” ở một số lĩnh vực liên quan đến các cơ quan cấp phép đầu tư, cấp phép xây dựng, nhà đất, đăng ký kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà đầu tư, doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

b. Sắp xếp lại các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, huyện, thành phố theo quyết định của Chính phủ theo hướng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; tổ chức bộ máy đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ của hội nhập kinh tế quốc tế; khắc phục tình trạng chồng chéo, kém hiệu quả trong việc thực thi chính sách, pháp luật; xây dựng cơ quan đầu mối về xúc tiến đầu tư thương mại - du lịch trực thuộc UBND tỉnh để phát huy hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh trong thời gian tới.

c. Tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính để loại bỏ các loại giấy tờ, thủ tục không cần thiết; công bố công khai, minh bạch mọi chính sách, cơ chế quản lý, quy trình tác nghiệp, người chịu trách nhiệm và thời hạn giải quyết công việc của các cơ quan quản lý nhà nước các đơn vị dịch vụ công để các doanh nghiệp và người dân biết thực hiện và giám sát việc thực hiện; cải cách thủ tục và cơ chế trong lĩnh vực thuế, hải quan, thực hiện chương trình hải quan điện tử.

d. Ban hành hệ thống phân cấp mới theo một đề án tổng thể của tỉnh, đảm bảo tính hệ thống và sự tương thích trong các lĩnh vực; quy định cơ chế kiểm tra việc thực hiện phân cấp, gắn phân cấp với công tác kiểm tra, giám sát.

4. Giáo dục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

a. Triển khai thực hiện tốt tinh thần Nghị quyết số 06/NQ-TU ngày 07/5/2007 về *phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2007 – 2010 và định hướng đến năm 2015* đã được xác định là một trong hai nhiệm vụ đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 17. Xây dựng đề án và kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết này; trong đó cần chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề hiện có, nâng cấp Trường dạy nghề Dung Quất thành Trường Cao đẳng dạy nghề; liên kết- hợp tác đào tạo với hệ thống các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề... trong và ngoài nước để đào tạo nguồn nhân lực theo yêu cầu mới trên cơ sở khảo sát và thống nhất với doanh nghiệp và nhà đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp, các khu du lịch, dịch vụ để xác định rõ nhu cầu đào tạo cho từng thời kỳ, nhất là đào tạo đủ lực lượng công nhân kỹ thuật trình độ cao đáp ứng nhu cầu sự phát triển của Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp trong thời gian tới.

e. Thực hiện tiêu chuẩn công chức theo yêu cầu hội nhập, lập kế hoạch đào tạo công chức theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại; kiên quyết loại bỏ khỏi bộ máy

những công chức gây phiền hà, những nhiều nhân dân và doanh nghiệp, những người không đủ năng lực và thiếu trách khi thi hành công vụ.

b. Thực hiện tốt công tác cải cách giáo dục gắn với thực hiện cuộc vận động chống tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục theo chủ trương của Chính phủ; xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính, tư pháp, am hiểu pháp luật quốc tế, giỏi về ngoại ngữ, tin học; đào tạo đội ngũ chuyên gia tư vấn, kế toán, kiểm toán, quản trị doanh nghiệp; đào tạo đội ngũ giáo viên, nhất là giáo viên trong các ngành khoa học, dạy nghề, ... đạt trình độ cao để giảng dạy đáp ứng yêu cầu mới.

c. Có chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo cho các cơ sở sản xuất công nghiệp trong tỉnh sử dụng lao động chưa qua đào tạo, để đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện có.

5. Đổi mới và nâng cao hiệu quả đầu tư vào tỉnh:

a. Thực hiện đầy đủ các cơ chế, chính sách của trung ương quy định để thu hút mạnh các nhà đầu tư trong và ngoài nước có năng lực tài chính, công nghệ cao đầu tư vào tỉnh; nhất là thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất; vào các khu công nghiệp; khu du lịch,... theo kế hoạch đề ra. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư thực hiện dự án theo tiến độ đã cam kết; đồng thời xem xét thu hồi giấy phép, hoặc thu hồi một phần dự án đối với các dự án đầu tư kém hiệu quả, kéo dài ...

b. Thực hiện toàn diện Nghị quyết số 19/2007/NQ-HĐND ngày 19/10/2007 của HĐND tỉnh về phát triển nhanh, toàn diện, bền vững khu kinh tế Dung Quất giai đoạn 2007 đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

c. Điều chỉnh bổ sung đồng bộ cơ chế quản lý, điều hành thực hiện các dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách, đẩy mạnh phân cấp cho huyện, thành phố và xã phường trong quản lý và thực hiện dự án; cải cách mạnh mẽ về thủ tục hành chính trong quản lý đầu tư xây dựng; kịp thời giải quyết những ách tắc trong khâu đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư, xây dựng và quyết toán công trình theo đúng quy định.

d. Tiếp tục rà soát quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành; gắn với rà soát lại quy hoạch sử dụng đất; xác định rõ quỹ đất dành cho sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Điều chỉnh chiến lược đầu tư phát triển phù hợp, đảm bảo tăng khả năng cạnh tranh và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển đúng hướng; đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng theo hướng tập trung hơn, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả của từng dự án, từng khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch... gắn với chiến lược biển để tăng hiệu quả kinh tế, đầu tư của tỉnh trong thời gian tới.

e. Lập chương trình xúc tiến đầu tư và thực hiện chương trình.

6. Nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh và của doanh nghiệp:

a. Xây dựng đề án nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, trên cơ sở khắc phục cho được những tồn tại, hạn chế hiện nay; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm cần phấn đấu thực hiện để đạt chỉ số tăng trưởng về năng lực cạnh tranh của tỉnh.

b. Đối với doanh nghiệp, cần đánh giá thực trạng, xây dựng đề án nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong tỉnh trên cơ sở đánh giá về năng lực cạnh tranh của sản phẩm, về kỹ thuật - công nghệ, về năng lực quản lý gắn với nguồn nhân lực, về công tác xúc tiến thị trường,...; các doanh nghiệp thông qua liên kết, liên doanh tham gia các hiệp hội ngành hàng để tạo thế mạnh trong hoạt động xuất nhập khẩu và phát triển thị trường nội địa; chú trọng đổi mới công nghệ áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến (ISO, HACCP, SA,...), xác lập quyền sở hữu trí tuệ, xây dựng thương hiệu doanh nghiệp, thương hiệu sản phẩm của doanh nghiệp,... theo Quyết định số 1520/QĐ-UB ngày 23/6/2006 về việc phê duyệt chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp giai đoạn 2006 - 2010.

c. Kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp đẩy mạnh xúc tiến thị trường, thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu; mở rộng các kênh phân phối trên thị trường trong nước tạo ra mạng lưới phân phối bền vững; phê duyệt Quy hoạch trung tâm thương mại, siêu thị và hệ thống chợ giai đoạn 2006 - 2010 định hướng đến 2015, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch mạng lưới kinh doanh xăng dầu và phê duyệt Quy hoạch xăng dầu trong Khu kinh tế Dung Quất để có cơ sở các doanh nghiệp trong nước đầu tư phát triển hệ thống cơ sở dịch vụ này; xem đây là giải pháp quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước trước khi mở cửa hoàn toàn thị trường phân phối từ ngày 01/01/2009.

d. Hoàn thành công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo kế hoạch đã phê duyệt; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đã cổ phần hóa hoạt động ngày càng hiệu quả.

7. Hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn:

a. Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết TW 5 (khóa IX) về đẩy mạnh CNH – HDH nông nghiệp nông thôn thời kỳ 2001 – 2010, trên cơ sở đó tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống nông thôn; phát triển dịch vụ và du lịch dựa vào cộng đồng, nhằm góp phần chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông thôn.

b. Triển khai thực hiện tốt Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 01/6/2007 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 – 2010; trong đó phát triển cây Mía 9.000 ha, cây Mì 3.000 ha, cây nguyên liệu gỗ - giấy 89.800 ha, cây Cao su 28.660 ha, cây Quế 6.765 ha, cây Cau 3.285 ha; phát triển vùng nuôi trồng thủy sản 2.000 ha,... trên cơ sở đạt giá trị và hiệu quả cao trên 1 đơn vị diện tích, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh cung cấp nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, để quyết định về kế hoạch sản xuất phù hợp.

c. Xây dựng và thực hiện Đề án phát triển vùng sản xuất nguyên liệu thực phẩm an toàn, chất lượng cao phục vụ Khu kinh tế Dung Quất và nhu cầu xã hội trong tỉnh.

d. Thực hiện chủ trương dồn điền, đổi thửa, tạo điều kiện phát triển mạnh mô hình kinh tế trang trại, áp dụng cơ giới hóa và tiến bộ kỹ thuật thâm canh tăng năng suất cây trồng, vật nuôi; thúc đẩy nhanh quá trình tích tụ ruộng đất gắn với quá trình chuyển dịch lao động nông nghiệp sang ngành nghề khác; tổng kết thực hiện chủ trương liên kết “bốn nhà” theo Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg, gắn với khuyến khích nông dân tham gia cổ phần trong nhà máy sản xuất chế biến để gắn trách nhiệm và quyền lợi giữa nông dân với doanh nghiệp công nghiệp chế biến nhằm thực hiện hiệu quả chủ trương này trong thời gian tới.

đ. Thực hiện Nghị quyết số 17/2007/NQ-HĐND ngày 16/7/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội miền núi giai đoạn 2006 – 2010 nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội các huyện miền núi trong thời kỳ tới...

e. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn, miền núi, nhất là đầu tư xây dựng hệ thống giao thông, thủy lợi; quy hoạch phát triển các thị trấn, thị tứ gắn với đầu tư xây dựng hệ thống chợ nông thôn theo quy hoạch,... nhằm cải thiện rõ rệt điều kiện sản xuất, đi lại, lưu thông,... phát triển kinh tế nông thôn.

g. Tổ chức bộ máy, mạng lưới thú y đủ mạnh; đồng thời bố trí đủ nguồn ngân sách để chủ động thực hiện tốt công tác phòng và chống dịch bệnh gia súc, gia cầm đang xảy ra thường xuyên; góp phần phát triển kinh tế nông thôn.

h. Rà soát, điều chỉnh, bãi bỏ những khoản thu không hợp lý, nhằm giảm tối đa các khoản đóng góp của nông dân.

8. Thực hiện chính sách an sinh xã hội:

a. Thực hiện tốt Nghị quyết số 37/2006/NQ-HĐND ngày 08/6/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình mục tiêu giảm nghèo; việc làm và Đề án hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ gia đình có công với cách mạng và hộ nghèo giai đoạn 2006 – 2010.

b. Thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội như: chính sách bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội; lập chương trình đào tạo nghề cho nông dân, trước hết là thanh niên nông thôn; thực hiện chính sách hỗ trợ tự tạo việc làm, hỗ trợ dạy nghề, để chuyển đổi nghề nghiệp,... phát triển các dịch vụ tư vấn việc làm, thông tin thị trường lao động để giúp người lao động có việc làm ổn định.

c. Giám sát chặt chẽ việc thực hiện chính sách xã hội của doanh nghiệp đối với người lao động như chế độ tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm lao động, đào tạo nguồn nhân lực,... nhằm tạo thị trường lao động ổn định và lâu dài.

d. Xây dựng quỹ phòng chống thiên tai, dịch bệnh để hỗ trợ khắc phục kịp thời thiên tai và dịch bệnh xảy ra.

9. Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững:

a. Tiếp tục quán triệt và thực hiện nhiệm vụ về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH theo Nghị quyết số 41/NQ-TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị; thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình đầu tư, phát triển.

b. Triển khai thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường, nhất là các lưu vực sông, biển, ven biển; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; tăng cường công tác quản lý và xử lý môi trường chung ở những nơi có dân cư tập trung đông như thành phố, huyện lỵ, Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp,...; hiện nay vẫn còn một số doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất công nghiệp trong khu vực thành thị gây ô nhiễm môi trường. Nhà nước cần có chính sách khuyến khích những hộ, doanh nghiệp sản xuất thuộc ngành công nghiệp chuyển dần vào Khu kinh tế Dung Quất hoặc các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

c. Khuyến khích và đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của toàn dân về lĩnh vực bảo vệ môi trường để mọi người tự giác thực hiện.

10. Bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc:

a. Triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp trong chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết TW 5 (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phù hợp với giai đoạn phát triển mới.

b. Tập trung trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử cấp quốc gia và cấp tỉnh đã được công nhận, phát huy các sản phẩm văn hóa phi vật thể,... gắn với phát triển du lịch; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa - lịch sử đã được công nhận.

c. Tăng cường kiểm tra việc thực thi pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi cho sự sáng tạo các giá trị tinh thần xã hội; xử lý nghiêm các vi phạm về mua, bán, tàng trữ, phổ biến các sản phẩm và dịch vụ văn hóa không lành mạnh làm phương hại đến giá trị truyền thống văn hóa - xã hội, con người Việt Nam và sự phát triển đất nước.

d. Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống thông tin đại chúng; chú trọng mạng lưới phát thanh, truyền hình, xuất bản; ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến để phát huy hiệu quả.

11. Xây dựng và phát triển đồng bộ các yếu tố kinh tế thị trường:

Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách, tạo môi trường thuận lợi để phát triển đồng bộ các loại thị trường như: Thị trường lao động, thị trường bất động sản, thị trường tài chính - tiền tệ, thị trường khoa học - công nghệ; đồng thời thực hiện tốt các chính sách về giá, về thuế,... phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế; trong đó cần tập trung thực hiện các nội dung sau đây:

a. Căn cứ các quy định, chính sách của Nhà nước, yêu cầu các doanh nghiệp, các chủ thể sử dụng nguồn lao động phải thực hiện đầy đủ cơ chế thị trường trong việc trả lương cho người lao động, nhằm thu hút mạnh nguồn lao động trong và ngoài tỉnh, ngoài nước vào tỉnh theo yêu cầu phát triển của nền kinh tế, đặc biệt thu hút nguồn lao động kỹ thuật cao vào Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp, khu du lịch,... của tỉnh.

b. Tổng kiểm kê quỹ đất, quỹ nhà, trụ sở làm việc của các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, kiểm tra quỹ đất đã giao cho các nhà đầu tư,... xây dựng kế hoạch sử dụng phù hợp có hiệu quả quỹ đất, quỹ nhà, trụ sở làm việc hiện có; đồng thời kiên quyết thu hồi quỹ đất, quỹ nhà sử dụng kém hiệu quả, không đúng mục đích. Thực hiện giá giao đất, cho thuê đất theo cơ chế thị trường; thực hiện tốt cơ chế chính sách khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia vào thị trường bất động sản; thực hiện quy trình đăng ký bất động sản thống nhất, công khai, minh bạch, tạo điều kiện lành mạnh hóa và bảo đảm an toàn pháp lý cho các giao dịch bất động sản,... thúc đẩy kinh doanh, đầu tư phát triển.

c. Tạo môi trường thuận lợi để các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán,... phát triển phù hợp theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng theo hướng hiện đại, đa năng, đa dạng về sở hữu ... thực hiện tốt chế độ kiểm tra, giám sát, chế độ kiểm toán bắt buộc, cơ chế công khai thông tin bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này, bảo đảm phát triển lành mạnh, hiệu quả, giảm thiểu các rủi ro và bất ổn có thể xảy ra.

d. Thực hiện tốt chương trình khoa học công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp đã được phê duyệt, nhằm nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, phát triển tài sản trí tuệ, tham gia các hội chợ công nghệ, giải thưởng chất lượng Việt Nam và hội chợ quốc tế về thương hiệu uy tín,... thực hiện tốt chính sách khuyến khích các dịch vụ hỗ trợ về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, dịch vụ tư vấn, các loại hình chợ công nghệ, cơ sở ươm tạo công nghệ,... phát triển mạnh thị trường này nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo hướng chất lượng, hiệu quả.

e. Rà soát tổng thể các yếu tố khác đang cản trở sự hình thành đồng bộ nền kinh tế thị trường để có chủ trương loại bỏ kịp thời.

12. Bảo đảm an ninh, quốc phòng trong quá trình hội nhập:

a. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững mạnh; xây dựng tỉnh, huyện, thành phố thành khu vực phòng thủ vững chắc theo tinh thần Nghị quyết số 01/NQ-TU ngày 31/12/2001 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi khóa XVI, góp phần bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ.

b. Xây dựng phương án đấu tranh chống lại âm mưu diễn biến hòa bình, chuyển hóa chế độ của các thế lực thù địch bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội; tạo sự ổn định trước những diễn biến phức tạp của thế giới và khu vực, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của hội nhập kinh tế quốc tế.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Từ những nội dung, nhiệm vụ chủ yếu của Kế hoạch hành động này, các Sở, ngành, địa phương theo chức năng được phân công, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể.

2. Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố cần xây dựng các dự án, tiểu dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để được thụ hưởng chương trình hỗ trợ kỹ thuật hậu gia nhập WTO theo Quyết định số 42/QĐ-BCĐWTO ngày 10/7/2007.

3. Quyết định ban hành khung theo dõi, đánh giá, dựa trên kết quả tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 – 2010 để làm cơ sở tổng kết việc thực hiện kế hoạch hành động này.

4. Tăng cường phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các Hội đoàn thể; đồng thời chịu sự giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

5. Củng cố Ủy ban về hợp tác kinh tế quốc tế của tỉnh; giao trách nhiệm cho Sở Thương mại và Du lịch/Sở Công thương làm cơ quan thường trực, giúp UBND tỉnh phối hợp với các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố triển khai thực hiện kế hoạch này; đồng thời tổng hợp báo cáo kết quả hằng năm và tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch vào cuối năm 2010.

Yêu cầu các cấp, các ngành và các doanh nghiệp trong tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Thị Loan